

Kết quả khảo sát cán bộ quản lý và giáo viên tiểu học về một số áp lực mới trong dạy học

Nguyễn Thị Quỳnh Ngoan¹, Dương Quang Ngọc²,
Cao Thị Phương Chi³, Phùng Thu Trang⁴,
Trần Thị Lan⁵

¹ Email: ngoanntq@vnies.edu.vn

² Email: ngocdq@vnies.edu.vn

³ Email: chictp@vnies.edu.vn

⁴ Email: trangpt@vnies.edu.vn

⁵ Email: lantt@vnies.edu.vn

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: Khi được khảo sát, cán bộ quản lý cũng như giáo viên dạy cấp Tiểu học đều có nhận định chung rằng hiện nay họ đang phải chịu áp lực từ việc dạy học online, việc chọn sách giáo khoa năm học 2020-2021. Cán bộ quản lý chịu áp lực nhiều hơn giáo viên. Trong đó, cán bộ quản lý thành thị, miền núi áp lực nhiều với việc dạy học online còn ở nông thôn cán bộ quản lý lại rất áp lực với việc chọn sách giáo khoa. Mặc dù kết quả nghiên cứu chỉ dựa trên số liệu khảo sát online, chưa đủ cơ sở, đảm bảo nhận xét nhưng kết quả nghiên cứu này đã đang và sẽ là kênh thông tin, nguồn tham khảo giúp các nhà nghiên cứu, các nhà hoạch định, quản lý có những giải pháp phù hợp nhằm giảm áp lực cho cán bộ quản lý, giáo viên ở mỗi vùng miền để nâng cao hiệu quả dạy và học.

TỪ KHÓA: Cán bộ quản lý; giáo viên; áp lực; sách giáo khoa; dạy học online.

→ Nhận bài 07/11/2020 → Nhận bài đã chỉnh sửa 27/3/2021 → Duyệt đăng 15/9/2021.

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, xã hội không ngừng phát triển, giáo dục (GD) cũng chuyển mình phát triển cho kịp thời đại. Sự phát triển này đã đang và sẽ tạo ra những áp lực không nhỏ tới cán bộ quản lý (CBQL) và giáo viên (GV) nói chung, CBQL, GV tiểu học nói riêng.

Áp lực lao động nghề nghiệp của CBQL, GV tiểu học có nhiều loại và không phải áp lực nào cũng có tác động tiêu cực. Có nhiều áp lực lại tạo thành động lực để GV phát triển và nâng cao chất lượng hiệu quả trong nghề nghiệp. Đặc biệt, trước tình hình GD thế giới cũng như Việt Nam đang phải đối mặt với đại dịch Covid-19. Theo Báo cáo đánh giá tác động của dịch bệnh covid-19 đối với ngành GD và đào tạo của Viện Khoa học GD Việt Nam (tháng 4 năm 2020): *Dịch bệnh kéo dài với diễn biến phức tạp đã tác động không nhỏ tới hoạt động chuyên môn của GV và CBQL nhà trường khi tất cả các trường học và cơ sở GD công lập, ngoài công lập phải dừng việc dạy và học trực tiếp, điều này chưa bao giờ xảy ra đối với ngành GD, gây ra nhiều khó khăn song cũng tạo động lực cho nhà giáo [1; tr.8].*

Việc học sinh (HS) phải ở nhà để cách li xã hội, không đến trường đang tạo ra thách thức đối với ngành GD là làm sao để học sinh không quên kiến thức đã học và tiếp thu kiến thức mới. Giải pháp hiện nay đang được Bộ GD&ĐT chỉ đạo, triển khai tới các cơ sở GD là dạy học trực tuyến, online, dạy học trên truyền hình - Đây được xem như là một phần của dạy học thích ứng trong bối cảnh hiện nay. Đồng thời, GD Việt Nam bắt đầu có sự thay đổi mới từ năm học 2020-2021: Triển khai

Chương trình và sách giáo khoa (SGK) phát triển năng lực. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung phân tích kết quả khảo sát hai yếu tố được cho là gây nên những áp lực căng thẳng, mệt mỏi cả về thể chất, tinh thần của GV đồng thời cũng là động lực để phát triển năng lực đội ngũ CBQL, GV trong thời gian gần đây.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thông tin chung

Để tìm hiểu thực trạng vấn đề áp lực lao động nghề nghiệp của CBQL, GV Tiểu học ở Việt Nam, chúng tôi đã sử dụng bộ câu hỏi khảo sát online để thu thập số liệu thực tế từ một số địa phương trải đều ở khu vực thành thị, nông thôn và miền núi.

2.1.1. Cán bộ quản lý

Chúng tôi tiến hành khảo sát 142 CBQL các trường tiểu học thuộc khu vực thành thị, nông thôn và miền núi. CBQL ở các trường tiểu học vùng nông thôn chiếm hơn 40%, trong khi đó vùng miền núi là 32,4% và thành thị là 27,5 %. CBQL được khảo sát đa số là dân tộc kinh với hơn 85%. Trong số 142 CBQL tham gia khảo sát, nữ giới chiếm số lượng đông đảo với hơn 87%, nam CBQL chỉ chiếm 12,7%. Số CBQL có tuổi đời từ 40-49 tuổi có số lượng đông hơn cả chiếm 45,8%; CBQL có độ tuổi dưới 30 tuổi hay từ 30 đến 39 tuổi có số lượng bằng nhau đều chiếm 19,7%, CBQL có tuổi đời trên 49 tuổi có số lượng ít nhất (14,8%). Hơn 64% CBQL có thời gian làm quản lý dưới 11 năm, tiếp theo là gần 20% đối với CBQL có kinh nghiệm từ 11 năm đến 20

năm, CBQL có trên 21 năm kinh nghiệm có lượng ít nhất (16.9%). Trình độ đào tạo của CBQL với hơn 97 % số cán bộ tham gia khảo sát đạt chuẩn cao đẳng, đại học và sau đại học. Vẫn còn một số lượng ít CBQL trình độ trung cấp (2,8%). Đa số CBQL tham gia khảo sát đã dạy các môn Toán, Tiếng Việt, Tự nhiên xã hội, Đạo đức.

2.1.2. Giáo viên

Nhiệm vụ đã tiến hành khảo sát 786 GV tiểu học thuộc khu vực thành thị, nông thôn và miền núi. Trong đó, GV thuộc khu vực nông thôn là 41.7%, khu vực miền núi là 30,4% và 27.9% là khu vực thành thị. GV nữ chiếm 92,1% tổng số đối tượng tham gia khảo sát. Số lượng GV là dân tộc Kinh nhiều hơn gấp ba lần so với số các dân tộc khác. Độ tuổi của GV tham gia khảo sát từ 40 đến 49 tuổi chiếm số lượng nhiều nhất (38,4%), GV có độ tuổi từ 30 đến 39 tuổi chiếm 34,2%, GV dưới 30 tuổi có số lượng ít hơn (19%) và GV trên 50 tuổi có số lượng ít nhất (8,4%).

Đa số GV tham gia khảo sát đều có thâm niên trong công tác. Trong đó, GV có thời gian công tác từ 6 năm đến 30 năm chiếm trên 80%. GV có thời gian công tác dưới 5 năm chiếm số lượng là 16,9% và số cán bộ có kinh nghiệm trên 30 năm là ít nhất (2,8%).

Trình độ đào tạo của GV đạt chuẩn rất cao với 98% GV có trình độ cao đẳng, đại học và sau đại học. Đa số GV tham gia dạy các môn Toán, Tiếng Việt, Tự nhiên Xã hội và Đạo đức.

2.2. Nhận định của cán bộ quản lí, giáo viên về áp lực tạo ra từ vấn đề liên quan tới dạy học online ở cấp Tiểu học

Theo dự thảo Thông tư ban hành quy định quản lí tổ chức dạy học trực tuyến đối với các cơ sở GD phổ thông và cơ sở GD thường xuyên của Bộ GD&ĐT năm 2020 đã đưa ra quan niệm: “*Dạy học trực tuyến là hoạt động dạy học thông qua phần mềm ứng dụng trên môi trường Internet, đảm bảo GV và HS tương tác đồng thời hoặc không đồng thời trong quá trình dạy học*” [2].

2.2.1. Nhận định của cán bộ quản lí, giáo viên

Từ khi Bộ GD&ĐT hướng dẫn dạy học online như một giải pháp thay thế học trực tiếp do HS nghỉ học vì dịch Covid - 19 quá dài, nhiều trường, nhiều cơ sở GD đã nhanh chóng thay đổi dù chưa thực sự sẵn sàng. Việc dạy học online có nhiều ưu điểm, thuận lợi như: *Tạo điều kiện cho HS, GV có cơ hội hình thành và phát triển nhiều năng lực như “tự chủ và tự học”, “năng lực tin học”, “năng lực công nghệ”, “giải quyết vấn đề và sáng tạo* [3; tr 65]. Tuy nhiên, để dạy học online đạt hiệu quả mong đợi thì cần thời gian chuẩn bị, chất lượng internet, máy tính... Điều này đã gây không ít áp lực cho GV cũng như CBQL. Bởi nhiều CBQL, GV

chưa làm chủ được việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), sử dụng phần mềm để dạy học trực tuyến; nội dung, bài học chưa được biên tập, chuyển đổi, kiểm soát. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS còn có những lúng túng. Nhiều GV chưa có kinh nghiệm và chiến lược cho việc tương tác trong trực tuyến/online... Chúng tôi đã khảo sát nhận định của CBQL, GV về việc dạy học online và thu được kết quả cụ thể như sau (xem Bảng 1, Bảng 2 và Hình 1).

Qua các dữ liệu thu được như trên có thể thấy, nhận định của CBQL cũng như của GV là tương đồng nhau. Khi được hỏi có 96,5% CBQL, 95,4% GV việc dạy học online có gây áp lực. Trong đó, hơn 53% CBQL, 50% GV thấy áp lực và rất áp lực liên quan tới dạy học online. Với 19% CBQL nhận định ở mức độ rất áp lực và GV là 15,1%. Sự chênh lệch tỉ lệ nhận định giữa CBQL và GV không cao. Tỉ lệ này còn thấp nên chưa đáng quan ngại. Qua đó, ta thấy: CBQL tuy không trực tiếp đứng lớp như GV nhưng CBQL cũng rất trách nhiệm, lo lắng tới chất lượng giảng dạy ở nhà trường, cơ sở GD khi GV phải dạy học bằng online.

2.2.2. Nhận định của cán bộ quản lí, giáo viên theo vùng miền

Áp lực của CBQL, GV liên quan đến vấn đề dạy học online sẽ khác nhau đối với mỗi vùng miền. Bởi điều

Bảng 1: Tỉ lệ khẳng định vấn đề liên quan tới dạy học online của CBQL

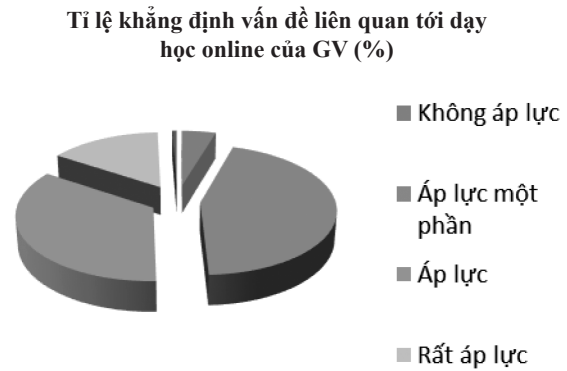
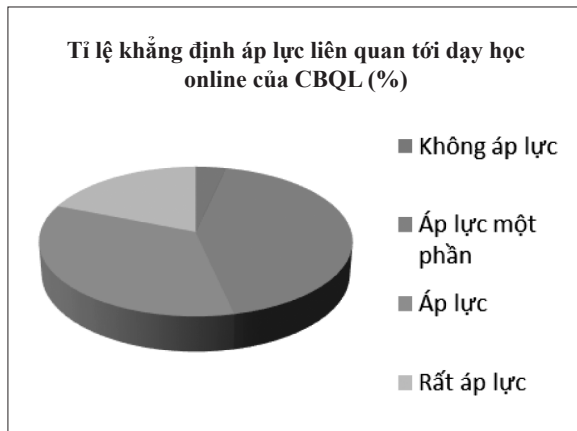
Thầy/Cô cảm thấy vấn đề liên quan tới dạy học online ở cấp Tiểu học (thời gian dạy, thời gian chuẩn bị, kiểm tra đánh giá, chất lượng Internet, giao tiếp với HS và phụ huynh (PH)....) để ứng phó thiên tai, dịch bệnh,... gây áp lực ở mức độ nào?

Mức độ	Số lượng	Tỉ lệ %
Không áp lực	5	3,5
Áp lực một phần	61	43
Áp lực	49	34,5
Rất áp lực	27	19

Bảng 2: Tỉ lệ khẳng định vấn đề liên quan tới dạy học online của GV

Thầy/Cô cảm thấy vấn đề liên quan tới dạy học online ở cấp Tiểu học (thời gian dạy, thời gian chuẩn bị, kiểm tra đánh giá, chất lượng Internet, giao tiếp với HS và PH....) để ứng phó thiên tai, dịch bệnh,... gây áp lực ở mức độ nào? (%)

Mức độ	Số lượng	Tỉ lệ %
Không áp lực	36	4,6
Áp lực một phần	352	44,8
Áp lực	274	34,9
Rất áp lực	119	15,1
Số phiếu không trả lời	5	0,6



Hình 1: Nhận định áp lực liên quan tới dạy học online của CBQL và GV

kiện về cơ sở vật chất, con người của mỗi vùng miền là khác nhau. Cụ thể, chúng tôi khảo sát và thu được kết quả như sau (xem Bảng 3, Bảng 4 và Hình 2):

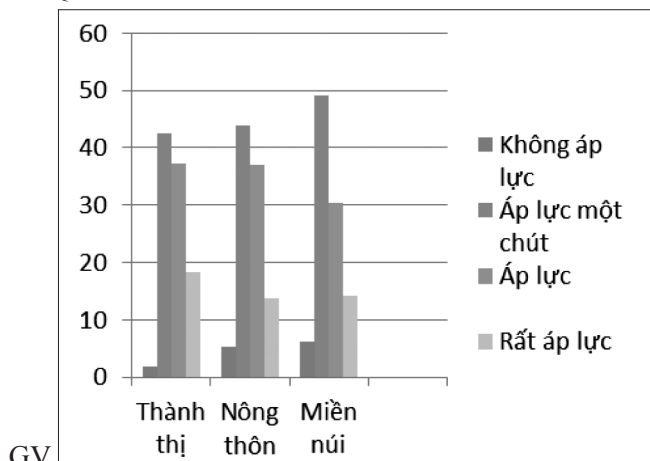
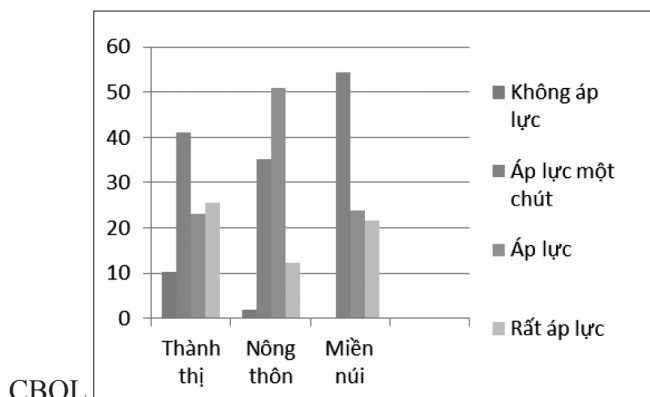
Nhận định của CBQL về vấn đề dạy học online theo vùng miền thể hiện khá rõ nét. Ở thành thị, mức độ không áp lực có tỉ lệ cao nhất ba vùng miền trong khi nông thôn 1,8% và miền núi thì không có tỉ lệ nào ở mức độ này. Nhưng mức độ rất áp lực ở thành thị vẫn là vùng có tỉ lệ cao nhất (25,6%) mặc dù thành thị có

Bảng 3: Tỉ lệ khẳng định vấn đề liên quan tới dạy học online của CBQL theo vùng miền

Khu vực	Thầy/Cô cảm thấy vấn đề liên quan tới dạy học online ở cấp Tiểu học (thời gian dạy, thời gian chuẩn bị, kiểm tra đánh giá, chất lượng Internet, giao tiếp với HS và PH....) để ứng phó thiên tai, dịch bệnh, ... gây áp lực ở mức độ nào? (%)			
	Không áp lực	Áp lực một chút	Áp lực	Rất áp lực
Thành thị	10,3	41	23,1	25,6
Nông thôn	1,8	35,1	50,9	12,3
Miền núi	0	54,3	23,9	21,7

Bảng 4: Tỉ lệ khẳng định liên quan tới dạy học online của GV theo vùng miền

Khu vực	Thầy/Cô cảm thấy vấn đề liên quan tới dạy học online ở cấp Tiểu học (thời gian dạy, thời gian chuẩn bị, kiểm tra đánh giá, chất lượng Internet, giao tiếp với HS và PH....) để ứng phó thiên tai, dịch bệnh, ... gây áp lực ở mức độ nào? (%)			
	Không áp lực	Áp lực một chút	Áp lực	Rất áp lực
Thành thị	1,8	42,4	37,3	18,4
Nông thôn	5,2	43,9	37,1	13,8
Miền núi	6,3	49,2	30,3	14,3



Hình 2: Tỉ lệ khẳng định vấn đề liên quan tới dạy học online của CBQL, GV theo vùng miền (%)

cơ sở vật chất hạ tầng, mạng internet, máy tính đầy đủ, thuận lợi hơn ở nông thôn cũng như miền núi. Dân trí ở thành thị cao nên khi dạy học online việc giao tiếp giữa GV với HS, PH HS cũng tăng theo. Do PH HS có điều kiện quan tâm con em nhiều hơn nên sẽ tương tác với GV, nhà trường nhiều hơn. Vì vậy, CBQL, GV thành thị thấy rất áp lực.

Nhận định của GV theo từng vùng miền ở hai mức độ áp lực một chút và áp lực được trải đều từ 30,3% đến 49,2%. Mức độ không gây áp lực, GV miền núi chiếm

tỉ lệ cao nhất 6,3%, áp lực một chút (49,2%) cao nhất cả 3 vùng. Do ở miền núi điều kiện internet, máy tính còn thấp, thậm chí không có để sử dụng nên giải pháp dạy học online ít gây áp lực cho GV. Bởi lẽ, khi điều kiện không có để dùng thì không thực hiện, không còn ảnh hưởng, không áp lực nữa. Trong khi, CBQL miền núi lại rất áp lực, đau đầu về vấn đề dạy học online (21,7%).

Tóm lại, việc dạy học online ở cấp Tiểu học để ứng phó thiên tai, dịch bệnh đã được CBQL và GV nói chung và CBQL, GV theo từng vùng miền nói riêng nhận định tương đối tương đồng nhau ở các mức độ áp lực một chút và áp lực. Việc dạy học online ở cấp Tiểu học đã gây áp lực rất lớn với CBQL (19%) đặc biệt là với CBQL ở thành thị. Nó cũng gây áp lực không hề nhỏ cho GV ở thành thị. Vì vậy, các nhà nghiên cứu cần đưa ra những giải pháp nhằm giảm áp lực cho CBQL, GV ở thành thị khi sử dụng dạy học online. Còn ở miền núi nên được chú ý đầu tư cơ sở hạ tầng, mạng, máy tính, nâng cao trình độ sử dụng để dạy học online hiệu quả, giảm áp lực cho CBQL, GV.

2.3. Nhận định của cán bộ quản lí, giáo viên về áp lực tạo ra từ vấn đề liên quan việc chọn sách giáo khoa cho năm học 2020 - 2021

Theo tài liệu tập huấn Chương trình GD phổ thông 2018 và những thách thức cần vượt qua năm 2019 của Bộ GD&ĐT: *Chủ trương “một chương trình, nhiều SGK” phù hợp với xu hướng của GD thế giới; phát huy trí tuệ và tài lực, vật lực của xã hội đóng góp cho GD; tạo ra sự thi đua giữa các tổ chức, cá nhân làm SGK, góp phần nâng cao chất lượng SGK; đồng thời tạo điều kiện để cơ sở GD lựa chọn được SGK phù hợp với đối tượng HS và điều kiện của mình* [4, tr.26].

2.3.1. Nhận định của cán bộ quản lí, giáo viên

Năm học 2020 - 2021, GD Việt Nam bắt đầu triển khai nội dung, Chương trình SGK mới, bước đầu là ở khối lớp 1. Chủ trương một chương trình nhiều bộ SGK là hoàn toàn đúng đắn. Chủ trương này nhằm xóa bỏ độc quyền trong việc xuất bản SGK, mang đến sự cạnh tranh lành mạnh, góp phần tạo động lực phát triển nền GD nước nhà. Tuy nhiên, việc thực hiện chủ trương nhiều bộ sách đã khiến CBQL, GV thấy áp lực, lo lắng và băn khoăn: Không biết cơ sở GD, trường mình nên chọn bộ sách nào? Liệu nó có đảm bảo chất lượng không?... Rất nhiều câu hỏi được đặt ra. Sau đây là kết quả khảo sát cụ thể của chúng tôi về vấn đề này (xem Bảng 5, Bảng 6 và Hình 3).

Qua số liệu ở Bảng 5 và Bảng 6, ta có thể thấy ở mức không áp lực và áp lực một phần, GV chiếm tỉ lệ (70,5%) cao hơn CBQL (64,1%). Nhưng với mức áp lực và rất áp lực thì CBQL lại có tỉ lệ (35,9%) cao hơn

Bảng 5: Tỉ lệ khẳng định vấn đề liên quan tới chọn SGK cho năm học 2020 - 2021 của CBQL

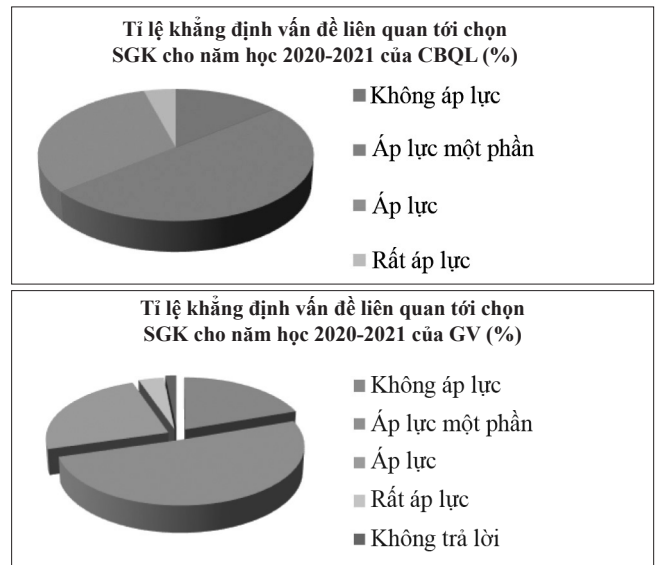
Thầy/Cô hãy cho biết các vấn đề liên quan tới việc chọn SGK cho năm học 2020 - 2021 tạo ra áp lực cho thầy/cô ở mức độ nào? (%)

Mức độ	Số lượng	Tỉ lệ %
Không áp lực	20	14,1
Áp lực một phần	71	50
Áp lực	45	31,7
Rất áp lực	6	4,2

Bảng 6: Tỉ lệ khẳng định vấn đề liên quan tới chọn SGK cho năm học 2020 - 2021 của GV

Thầy/Cô hãy cho biết các vấn đề liên quan tới việc chọn SGK cho năm học 2020 - 2021 tạo ra áp lực cho thầy/cô ở mức độ nào? (%)

Mức độ	Số lượng	Tỉ lệ %
Không áp lực	155	19,7
Áp lực một phần	399	50,8
Áp lực	190	24,2
Rất áp lực	29	3,7
Số phiếu không trả lời	13	1,6



Hình 3: Tỉ lệ khẳng định vấn đề liên quan tới chọn SGK cho năm học 2020 - 2021 của CBQL, GV

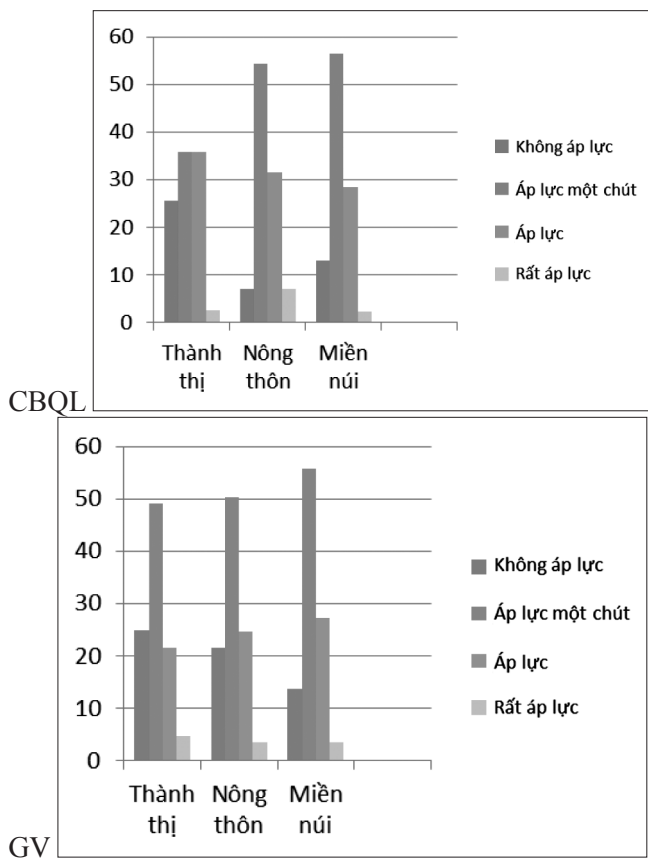
GV (27,9%). Độ chênh lệch tuy không nhiều nhưng cho thấy CBQL rất áp lực khi phải chọn SGK cho năm học 2020-2021 và áp lực hơn GV. Sở dĩ CBQL áp lực hơn GV trong việc chọn SGK vì chất lượng dạy học, kết quả dạy học phụ thuộc không nhỏ vào SGK. Vậy khi việc chọn SGK cho trường, cho cơ sở GD được quyết định bởi CBQL thì CBQL sẽ thấy trọng trách và rất áp lực.

Bảng 7: Tỷ lệ khẳng định vấn đề liên quan tới chọn SGK cho năm học 2020 - 2021 của CBQL theo vùng miền

Khu vực	Thầy/Cô hãy cho biết các vấn đề liên quan tới việc chọn SGK cho năm học 2020 - 2021 tạo ra áp lực cho thầy/cô ở mức độ nào? (%)			
	Không áp lực	Áp lực một chút	Áp lực	Rất áp lực
Thành thị	25,6	35,9	35,9	2,6
Nông thôn	7	54,4	31,6	7
Miền núi	13	56,5	28,3	2,2

Bảng 8: Tỷ lệ khẳng định vấn đề liên quan tới chọn SGK cho năm học 2020 - 2021 của GV theo vùng miền

Khu vực	Thầy/Cô hãy cho biết các vấn đề liên quan tới việc chọn SGK cho năm học 2020 - 2021 tạo ra áp lực cho thầy/cô ở mức độ nào? (%)			
	Không áp lực	Áp lực một chút	Áp lực	Rất áp lực
Thành thị	24,8	49,1	21,5	4,7
Nông thôn	21,6	50,3	24,7	3,4
Miền núi	13,6	55,7	27,2	3,4



Hình 4: Tỷ lệ khẳng định vấn đề liên quan tới chọn SGK cho năm học 2020 - 2021 của CBQL, GV theo vùng miền (%)

2.3.2. Nhận định của cán bộ quản lý và giáo viên theo vùng miền

Kết quả khảo sát nhận định của CBQL, GV theo vùng miền như sau (xem Bảng 7, Bảng 8 và Hình 4):

Quan sát số liệu trong bảng tổng hợp ở trên có thể nhận thấy: Gần 31% GV và 39% CBQL các vùng miền cho rằng, việc chọn SGK đã gây áp lực, rất áp lực. Chứng tỏ việc chọn SGK cho năm học 2020 - 2021 cũng đã gây áp lực không nhỏ với CBQL, GV. Độ chênh lệch tỉ lệ phần trăm nhận định giữa CBQL, GV không cao (8%) chứng tỏ nhận định của CBQL, GV tương đối giống nhau và chưa đến mức quan ngại giữa hai đối tượng này. Cụ thể: CBQL ở ba vùng miền nhận định tương đồng nhau ở hai mức độ áp lực một chút và áp lực (28,3-56,5%). Đối với CBQL thành thị lại cho thấy, không áp lực nhiều nhất (25,6%) và CBQL ở nông thôn lại rất áp lực (7%).

GV ở mỗi vùng miền nhận định về các mức độ cũng tương đối giống nhau. GV thành thị nhận định nhiều nhất ở mức độ không áp lực và cũng nhiều nhất ở mức độ áp lực so với hai vùng miền còn lại. Ở thành thị, GV được tiếp cận thường xuyên và đầu tiên những thông tin, cái mới trong đổi mới GD. Chính vì thế, họ định hình và chủ động hơn. Nhiều GV sẽ thấy không áp lực. Nhưng xét ở góc độ khác, họ cũng không kém phần áp lực. Bởi thành thị, nơi dân trí cao, lượng GV cạnh tranh (hiểu theo nghĩa lành mạnh) trong nghề nhiều. Việc chọn SGK cũng sẽ ảnh hưởng tới cách dạy, truyền đạt của họ nên sẽ thấy áp lực nhiều hơn trong nghề nghiệp của mình.

Ở thành thị và miền núi, nhận định giữa các mức độ của CBQL, GV tương đối giống nhau. GV thành thị và miền núi áp lực hơn so với CBQL. Nông thôn thì CBQL rất áp lực, áp lực hơn GV.

Tóm lại, việc chọn SGK đều gây nên áp lực cho cả GV và người CBQL ba vùng miền. Tuy vậy, việc lựa chọn SGK đã rất áp lực với CBQL (4,2%), đặc biệt là CBQL ở nông thôn (7%).

3. Kết luận

Qua phân tích, so sánh các thông tin, dữ liệu có thể thấy CBQL cũng như GV dạy cấp Tiểu học khi được khảo sát đều có nhận định chung rằng hiện nay họ đang phải chịu áp lực từ việc dạy học online, việc chọn SGK năm học 2020-2021. CBQL chịu áp lực nhiều hơn GV. Trong đó, CBQL thành thị, miền núi áp lực nhiều hơn với việc dạy học online còn ở nông thôn CBQL rất áp lực với việc chọn SGK. Trước những áp lực như vậy, GV cần biến áp lực thành động lực. Theo Mỹ Hà (2018), Quỳnh Nguyễn (2019), GV hãy chủ động vượt qua áp lực nghề nghiệp này, không còn cách nào khác họ phải vượt qua chính mình, tìm niềm vui, hạnh phúc trong quá trình sáng tạo nghề nghiệp, cùng nhau tạo nên

các giá trị vật chất và tinh thần, xây dựng môi trường làm việc tôn trọng, trung thực, trách nhiệm, sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau; đề cao các giá trị nhân văn, tình yêu thương. Tuy nhiên, để tạo động lực từ những áp lực lao động đó, hoặc giải tỏa, cởi bỏ những áp lực có tác động tiêu cực, các giải pháp cần phải được triển khai đồng bộ từ đào tạo, bồi dưỡng GV đến thay đổi chính sách, cơ chế quản lý hợp lý, thực hiện công tác truyền thông và tăng cường sự hợp tác giữa các bên liên quan trong

GD HS.

Mặc dù kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ chỉ dựa trên số liệu khảo sát online, chưa đủ cơ sở để đảm bảo nhận xét nhưng kết quả nghiên cứu này đã đáng và sẽ là kênh thông tin, nguồn tham khảo giúp các nhà nghiên cứu, các nhà hoạch định, quản lý có những giải pháp phù hợp nhằm giảm áp lực cho cán bộ quản lý, giáo viên ở mỗi vùng miền để nâng cao hiệu quả dạy và học.

Tài liệu tham khảo

- [1] Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, (4/2020), *Báo cáo đánh giá tác động của dịch bệnh Covid-19 đối với ngành Giáo dục và Đào tạo*.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (8/2020), *Dự thảo Thông tư ban hành Quy định quản lý tổ chức dạy học trực tuyến đối với các cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên*.
- [3] Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam - Đại học Mở Hà Nội, (27-10-2020), *Kỷ yếu hội thảo Hệ sinh thái giáo dục trực tuyến - Mô hình, tổ chức và một số yếu tố đảm bảo chất lượng*.
- [4] Nguyễn Minh Thuyết, (2019), *Tập huấn Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và những thách thức cần vượt qua*, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- [5] Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, (2020), *Số liệu kết quả khảo sát của nhóm khảo sát thực trạng nhiệm vụ 14: Áp lực lao động nghề nghiệp của giáo viên phổ thông*, Nhiệm vụ thường xuyên.
- [6] Mỹ Hà, (2018), *Áp lực nghề giáo: Xếp ngang phi công, chữa cháy và y tế*, <https://dantri.com.vn/giao-duc-khuyen-hoc/ap-luc-nghe-giao-xep-ngang-phi-cong-chua-chay-va-y-te-20181118081937572.htm>.
- [7] Quỳnh Nguyễn, (14/6/2019), *Giảm áp lực, tạo động lực cho giáo viên*, <http://www.nhandan.org.vn/giaoduc/item/39319202-giam-ap-luc-tao-dong-luc-cho-giao-vien.html>.

SURVEY RESULTS OF MANAGERS AND TEACHERS AT PRIMARY LEVEL ON SOME NEW PRESSURES IN TEACHING

Nguyen Thi Quynh Ngoan¹, Duong Quang Ngoc²,
Cao Thi Phuong Chi³, Phung Thu Trang⁴,
Tran Thi Lan⁵

¹ Email: ngoanntq@vnies.edu.vn

² Email: ngocdq@vnies.edu.vn

³ Email: chictp@vnies.edu.vn

⁴ Email: trangpt@vnies.edu.vn

⁵ Email: lannt@vnies.edu.vn

The Vietnam National Institute of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: *The survey results show that both administrators and teacher at primary level have a general perception that they are currently under pressure from online teaching and the selection of textbooks for the 2020-2021 school year. Administrators are under more pressure than teachers. In particular, managers in urban and mountainous areas are pressured by online teaching while in rural areas, managers are pressured to choose textbooks. Although the research results are only based on the online survey data and there is not enough bases for firm conclusions, this research provides a reference source for researchers, planners and managers to have appropriate solutions to reduce the pressure on administrators and teachers in each region with the aim of improving the teaching and learning efficiency.*

KEYWORDS: Administrators, teachers, pressure, textbooks, online teaching.